

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH**

Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

---

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số mã số thuế 5400257584, cấp chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 11 năm 2024 do Phòng Đăng kí Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 61.350.290.000 đồng, được chia làm 6.135.029 cổ phần với mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là HKT.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

### 2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Phạm Tự Trọng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/10/2024)
Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/10/2024)
Ông Nguyễn Hoàng Anh Khá	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/10/2024)
Ông Trần Hoàng Khang	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 24/10/2024)
Ông Nguyễn Hoàng Hà	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/10/2024)
Ông Ngô Minh Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/10/2024)
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/10/2024)

#### Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Tâm	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 24/10/2024)
Bà Trần Thị Mỹ Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/10/2024)
Bà Vũ Thị Khánh Chi	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/10/2024)

#### Tổng Giám đốc

Ông Ngô Minh Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Phạm Tự Trọng – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Ngô Minh Hải - Tổng Giám đốc.

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và tình hình tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

#### 6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

#### 7. Công bố báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 32, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thầy mặt và đại diện cho Tổng Giám đốc



**NGÔ MINH HẢI**

Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025



051/2025/BCKT-HT.00203

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**PHẠM QUANG KHẢI**

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2022-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

**HOÀNG VĂN HÙNG**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4302-2024-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>66.429.829.496</b>	<b>88.432.662.579</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.214.960.125</b>	<b>1.426.423.896</b>
Tiền	111		2.214.960.125	1.426.423.896
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.612.417.544</b>	<b>74.601.517.328</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.892.571.466	41.527.059.731
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	57.830.030	1.651.549.668
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	4.700.000.000	32.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	53.148.519.504	9.411.385
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(1.186.503.456)	(1.186.503.456)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.595.483.421</b>	<b>12.404.721.355</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	5.595.483.421	12.404.721.355
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.968.406</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.684.106	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		284.300	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.594.362.220</b>	<b>32.497.277.265</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.844.657.363</b>	<b>5.588.853.052</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	3.844.657.363	5.588.853.052
- Nguyên giá	222		20.769.296.151	23.174.296.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.924.638.788)	(17.585.443.099)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.300.000.000</b>	<b>26.300.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	19.300.000.000	26.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>449.704.857</b>	<b>608.424.213</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	449.704.857	608.424.213
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>90.024.191.716</b>	<b>120.929.939.844</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.141.006.322</b>	<b>50.302.315.313</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.141.006.322</b>	<b>50.302.315.313</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.747.160.792	34.591.702.150
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.389.628.772	56.549
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	284.542.282	442.107.357
Phải trả người lao động	314		-	4.095.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		313.943.979	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	165.794.136	27.343.396
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	15.000.000.000	14.997.074.500
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.936.361	239.936.361
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.883.185.394</b>	<b>70.627.624.531</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>70.883.185.394</b>	<b>70.627.624.531</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.350.290.000	61.350.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.350.290.000	61.350.290.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		287.923.633	287.923.633
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.244.971.761	8.989.410.898
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.989.410.898	8.528.397.737
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		255.560.863	461.013.161
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>90.024.191.716</b>	<b>120.929.939.844</b>

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Tổng Giám đốc

**NGÔ MINH HẢI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	115.188.432.401	215.651.459.314
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>115.188.432.401</b>	<b>215.651.459.314</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	114.287.659.780	215.589.919.503
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>900.772.621</b>	<b>61.539.811</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.321.893.940	2.624.116.097
Chi phí tài chính	22	6.4	2.029.921.525	1.478.444.739
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.328.362.859	1.478.444.739
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	583.085.845	616.536.496
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>609.659.191</b>	<b>590.674.673</b>
Thu nhập khác	31	6.5	45.631.500	-
Chi phí khác	32	6.6	108.758.373	11.526.577
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(63.126.873)</b>	<b>(11.526.577)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>546.532.318</b>	<b>579.148.096</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	290.971.455	118.134.935
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>255.560.863</b>	<b>461.013.161</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	42	75

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

NGÔ MINH HẢI



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>546.532.318</b>	<b>579.148.096</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		937.424.856	952.591.523
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.523.917.526)	(2.084.116.097)
Chi phí lãi vay	06		1.328.362.859	1.478.444.739
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.288.402.507</b>	<b>926.068.261</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(11.808.667.708)	26.502.139.350
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		6.809.237.934	1.220.253.884
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(31.481.259.241)	(9.335.387.026)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		158.719.356	(585.515.553)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.015.977.546)	(1.478.444.739)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(286.420.018)	(196.042.633)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>(36.335.964.716)</b>	<b>17.053.071.544</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		765.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.900.000.000)	(29.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.800.000.000	10.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.300.000.000	2.700.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.156.575.445	2.084.116.097
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>37.121.575.445</b>	<b>(14.515.883.903)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	16.300.000.000	29.994.994.500
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(16.297.074.500)	(31.352.841.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.925.500</b>	<b>(1.357.846.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>788.536.229</b>	<b>1.179.341.141</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.426.423.896</b>	<b>247.082.755</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>2.214.960.125</b>	<b>1.426.423.896</b>

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Tổng Giám đốc

**NGÔ MINH HẢI**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số mã số thuế 5400257584, cấp chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 11 năm 2024 do Phòng Đăng kí Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 61.350.290.000 đồng chia thành 6.135.290 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là "HKT".

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2024: Kinh doanh thương mại nông sản, vật liệu xây dựng và Cho thuê tài sản

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc của Công ty**

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 3 người (tại ngày 01/01/2024 là: 8 người)

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Các chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính năm gần nhất.

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ kế toán được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

**4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất. kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| - | Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa | Thực tế đích danh và Bình quân gia quyền |
|---|---|--|

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT - BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**4.7 Tài sản cố định hữu hình*****Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- |   |                          |             |
|---|--------------------------|-------------|
| - | Nhà cửa, vật kiến trúc:  | 08 - 20 năm |
| - | Máy móc, trang thiết bị: | 07 - 12 năm |

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm được căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí tương ứng với khả năng tạo ra lợi ích kinh tế từ các chi phí này.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.9 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

**4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu:** Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.14 Doanh thu và thu nhập****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**4.15 Chi phí****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) không được vốn hóa, chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.16 Thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4.18 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Chi tiết các Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8.2

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
+ Tiền mặt	11.787.939	1.338.221.187
+ Tiền gửi ngân hàng	2.203.172.186	88.202.709
+ Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.214.960.125</u></b>	<b><u>1.426.423.896</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH**

Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát	19.300.000.000	(*)	26.300.000.000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>19.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>26.300.000.000</b>	<b>-</b>

**Tên doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát

**Địa chỉ**Tầng 1 Nhà số 8 Liên kè 6B  
Làng Việt Kiều Châu Âu,  
Phường Mộ Lao, Quận Hà  
Đông, Hà Nội**Ngành nghề kinh doanh**

Bán buôn thực phẩm

**Tỷ lệ lợi ích**

8,75%

**Quyền biểu quyết**

11,92%

(\*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngày 10/2/2025 (Sau ngày kết thúc năm tài chính) Công ty đã chuyển nhượng 1.011.000 cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát với giá chuyển nhượng là 10.791,3 đồng/1 cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 10.910.000.000 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
+ Công ty CP Sao Kim Venusy	-	10.081.611.000
+ Công ty TNHH Tư vấn Dương Minh Tuệ	-	8.626.754.000
+ Công ty TNHH Thương mại Bani	-	7.370.724.572
+ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại dịch vụ An Đức	-	4.572.953.500
+ Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Trần Anh VN	232.815.000	-
+ Công ty TNHH trà và đặc sản Tây Bắc - KH22	445.500.000	-
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	1.214.256.466	10.875.016.659
<b>Cộng</b>	<b><u>1.892.571.466</u></b>	<b><u>41.527.059.731</u></b>

**5.4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
+ Công ty cổ phần đầu tư DYMAN	-	629.616.701
+ Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu Xây dựng Thủy Hoa	-	606.583.009
+ Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư và Xuất Nhập Khẩu Mặt Trời Vàng	-	300.000.000
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	57.830.030	115.349.958
<b>Cộng</b>	<b><u>57.830.030</u></b>	<b><u>1.651.549.668</u></b>

**5.5. Phải thu về cho vay**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
+ Bà Nhữ Thị Kim Chung	-	13.300.000.000
+ Bà Nguyễn Thu Hường	-	19.300.000.000
+ Ông Đặng Quang Thái (i)	4.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.700.000.000</u></b>	<b><u>32.600.000.000</u></b>

- (i) Khoản phải thu về cho vay có thời hạn 3 tháng theo hợp đồng ngày 27/9/2024, với lãi suất 10%/năm, không có tài sản đảm bảo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.6. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>340.789.539</b>	-	<b>9.411.385</b>	-
+ Tạm ứng người lao động	8.000.000.000	-	-	-
+ Đặt cọc hợp đồng mua bán cổ phần (*)	45.000.000.000	-	-	-
+ Lãi vay phải thu	109.200.914	-	-	-
+ Các khoản khác	39.318.590	-	9.411.385	-
<b>Cộng</b>	<b>53.148.519.504</b>	-	<b>9.411.385</b>	-

(\*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Quang Phúc để mua 92,59% phần vốn góp của Công ty TNHH Phát triển nhà Quang Phúc theo hợp đồng đặt cọc số 01/2024/QP IDC-QPX ngày 16/12/2024, giá chuyển nhượng: 250.000.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng: đến hết ngày 31/3/2025. Nội dung mua phần vốn góp của Công ty TNHH Phát triển nhà Quang Phúc đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/10/2024.

**5.7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
+ Nguyên liệu, vật liệu	1.242.995	-	1.242.995	-
+ Thành phẩm	96.318	-	96.318	-
+ Hàng hóa	5.594.144.108	-	12.403.382.042	-
<b>Cộng</b>	<b>5.595.483.421</b>	-	<b>12.404.721.355</b>	-

**5.8. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Mr. Ahmad Shad - Asah Safl LTD	1.186.503.456	-	1.186.503.456	-
<b>Cộng</b>	<b>1.186.503.456</b>	-	<b>1.186.503.456</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.405.000.000)	(2.405.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.568.934.724</b>	<b>9.200.361.427</b>	<b>20.769.296.151</b>
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	7.464.158.067	10.121.285.032	17.585.443.099
Khấu hao trong năm	553.091.524	384.333.332	937.424.856
Hao mòn trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	(1.598.229.167)	(1.598.229.167)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.017.249.591</b>	<b>8.907.389.197</b>	<b>16.924.638.788</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.104.776.663	1.484.076.389	5.588.853.052
Tại ngày cuối năm	3.551.685.133	292.972.230	3.844.657.363

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.263.535.332 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 20.769.296.151 đồng

**5.10. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	449.704.857	608.424.213
+ Sửa chữa TSCĐ	449.704.857	608.424.213
<b>Cộng</b>	<b>449.704.857</b>	<b>608.424.213</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH**

Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Châu Thành (1)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	14.997.074.500	14.997.074.500	14.997.074.500
+ Ông Ngô Minh Hải	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>16.300.000.000</b>	<b>16.297.074.500</b>	<b>14.997.074.500</b>	<b>14.997.074.500</b>

(1) Thông tin chi tiết về khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Châu Thành theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/18603409/HĐTD, hạn mức 15.000.000.000 đồng:

Số dư cuối năm	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm khoản vay
Vay ngắn hạn	15.000.000.000 VND	05 tháng	8,5 %/năm	Bổ sung vốn lưu động.
				- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 25 và 26 tờ bản đồ số 59, địa chỉ xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
				- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 761 và 762 tờ bản đồ số 15, địa chỉ xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng Thiên Kim	-	-	14.684.735.457	14.684.735.457
+ Công ty Cổ phần Petec Bình Định	-	-	9.764.314.662	9.764.314.662
+ Công ty cổ phần thực phẩm Thiên Vương	-	-	3.000.259.820	3.000.259.820
+ Công ty CP thương mại toàn cầu Hùng Phát	-	-	455.891.500	455.891.500
+ Công ty TNHH TM XNK Lộc Anh	409.933.000	409.933.000	-	-
+ Công ty TNHH thương mại Anh Vũ	300.500.000	300.500.000	-	-
+ Công ty TNHH chè Shan Trúc Thanh	327.780.000	327.780.000	-	-
+ Công ty TNHH TMV Sông Bồi	208.060.000	208.060.000	-	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	500.887.792	500.887.792	6.686.500.711	6.686.500.711
<b>Cộng</b>	<b>1.747.160.792</b>	<b>1.747.160.792</b>	<b>34.591.702.150</b>	<b>34.591.702.150</b>

**5.13. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>a) Ngắn hạn</b>	
+ Công ty Cổ phần Gỗ nhựa Kyoto Group	1.200.000.000	-
+ Công ty TNHH Sản xuất- Xuất khẩu Ngọc Sơn	189.628.772	56.549
<b>Cộng</b>	<b>1.389.628.772</b>	<b>56.549</b>

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm Phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm Phải thu VND	Số cuối năm Phải nộp VND
	Thuế GTGT	289.438.509	1.042.682.168	1.204.798.680	-
Thuế thu nhập DN	121.491.738	290.971.455	286.420.018	-	126.043.175
Thuế thu nhập cá nhân	26.023.767	-	-	-	26.023.767
Các loại thuế khác	-	4.854.784	5.139.084	284.300	-
Phải nộp khác	5.153.343	11.438.197	11.438.197	-	5.153.343
<b>Cộng</b>	<b>442.107.357</b>	<b>1.349.946.604</b>	<b>1.507.795.979</b>	<b>284.300</b>	<b>284.542.282</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.15. Phải trả khác**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
+ Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	5.816.053
+ Phải trả bà Nhữ Thị Kim Chung	124.236.111	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.558.025	21.527.343
<b>Cộng</b>	<b>165.794.136</b>	<b>27.343.396</b>

**5.16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ</u> <u>sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư</u> <u>phát triển</u>	<u>LN sau thuế</u> <u>chưa phân</u> <u>phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>8.528.397.737</b>	<b>70.166.611.370</b>
Lãi trong năm trước	-	-	461.013.161	461.013.161
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>8.989.410.898</b>	<b>70.627.624.531</b>
Lãi trong năm nay	-	-	255.560.863	255.560.863
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>9.244.971.761</b>	<b>70.883.185.394</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Thọ Nam	-	-	18,96%	11.630.000.000
Ông Nguyễn Đình Thảo	-	-	14,20%	8.710.000.000
Ông Đỗ Văn Mạnh	-	-	14,19%	8.703.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường	-	-	13,11%	8.045.000.000
Ông Đỗ Văn Hà	-	-	12,94%	7.937.000.000
Ông Dương Văn Hiểu	22,75%	13.956.360.000	-	-
Ông Hồ Văn Tuấn	19,56%	12.000.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	22,83%	14.006.360.000	-	-
Các đối tượng khác	34,86%	21.387.570.000	26,61%	16.325.290.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>61.350.290.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	61.350.290.000	61.350.290.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	61.350.290.000	61.350.290.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.135.029	6.135.029
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.135.029 6.135.029	6.135.029 6.135.029
Số lượng cổ phiếu được mua lại + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	- -	- -
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.135.029 6.135.029	6.135.029 6.135.029

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**đ) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu bán hàng	113.666.858.372	213.900.904.725
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.521.574.029	1.750.554.589
<b>Cộng</b>	<b>115.188.432.401</b>	<b>215.651.459.314</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	112.724.936.408	214.358.029.218
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.562.723.372	1.231.890.285
<b>Cộng</b>	<b><u>114.287.659.780</u></b>	<b><u>215.589.919.503</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.321.893.940	2.084.116.097
Lãi bán các khoản đầu tư	-	540.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.321.893.940</u></b>	<b><u>2.624.116.097</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	1.328.362.859	1.478.444.739
Lỗ bán các khoản đầu tư	700.000.000	-
Chi phí tài chính khác	1.558.666	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.029.921.525</u></b>	<b><u>1.478.444.739</u></b>

**6.5. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Các khoản khác	45.631.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>45.631.500</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6.6. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lỗ thanh lý TSCĐ	41.858.833	-
Các khoản phạt, truy thu	66.899.540	-
Các khoản khác	-	11.526.577
<b>Cộng</b>	<b><u>108.758.373</u></b>	<b><u>11.526.577</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	87.480.000	310.815.000
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	26.762.211	46.204.742
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế, phí và lệ phí	7.854.784	48.441.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.559.054	174.602.679
Chi phí bằng tiền khác	166.429.796	36.472.199
<b>Cộng</b>	<b><u>583.085.845</u></b>	<b><u>616.536.496</u></b>

**6.8. Chi phí sản xuất. kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	87.480.000	310.815.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	937.424.856	952.591.523
Thuế, phí lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.559.054	48.441.876
Chi phí khác bằng tiền	667.625.951	570.339.916
<b>Cộng</b>	<b><u>1.987.089.861</u></b>	<b><u>1.882.188.315</u></b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính (i) trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	122.686.372	118.134.935
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	168.285.083	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>290.971.455</u></b>	<b><u>118.134.935</u></b>

**(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán	546.532.318	579.148.096
Các khoản điều chỉnh tăng	66.899.540	11.526.577
+ Chi phí không hợp lệ	66.899.540	11.526.577
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>613.431.858</b>	<b>590.674.673</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>290.971.455</u></b>	<b><u>118.134.935</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	255.560.863	461.013.161
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	255.560.863	461.013.161
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.135.029	6.135.029
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>42</u></b>	<b><u>75</u></b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.300.000.000	29.994.994.500
<b>Cộng</b>	<b><u>16.300.000.000</u></b>	<b><u>29.994.994.500</u></b>

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	16.297.074.500	31.352.841.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.297.074.500</u></b>	<b><u>31.352.841.000</u></b>

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty.

**8.2 Thông tin về các bên liên quan****a) Thông tin về các bên liên quan**

<u>TT</u>	<u>Tên bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt
2	Ông Dương Văn Hiểu	Cổ đông lớn
3	Ông Hồ Văn Tuấn	Cổ đông lớn
4	Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	Cổ đông lớn/Thành viên HĐQT
5	Công ty Luật TNHH MTV PT & Partners	Ông Phạm Tự Trọng – Chủ tịch HĐQT Công ty là Đại diện theo PL Công ty này

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng QP	Ông Phạm Tự Trọng – Chủ tịch HĐQT Công ty là Đại diện theo PL Công ty này
7	Công ty Cổ phần QP Land	Ông Phạm Tự Trọng – Chủ tịch HĐQT Công ty là Đại diện theo PL Công ty này
8	Công ty TNHH QP Industrial Living	Ông Phạm Tự Trọng – Chủ tịch HĐQT Công ty là Đại diện theo PL Công ty này
9	Công ty TNHH Dương Phát Lộc	Ông Dương Văn Hiếu – Cổ đông lớn Công ty là Đại diện theo PL Công ty này

**b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

- Thu nhập (thù lao, lương quản lý) của các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát thực nhận trong năm 2024: Không phát sinh

**c) Giao dịch với các bên liên quan khác**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Ngô Minh Hải	Nhận gốc vay	1.300.000.000	-
	Trả gốc vay	1.300.000.000	-
	Trả lãi vay	72.222.222	-

**d) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có số dư với bên liên quan.

**8.3 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

- (i) Rủi ro thị trường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu**

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.  
**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 31/12/2024</b>			
Các khoản vay và nợ	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải trả người bán	1.747.160.792	-	1.747.160.792
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	165.794.136	-	165.794.136
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.912.954.928</b>	<b>-</b>	<b>16.912.954.928</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 01/01/2024</b>			
Các khoản vay và nợ	14.997.074.500	-	14.997.074.500
Phải trả người bán	34.591.702.150	-	34.591.702.150
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	27.343.396	-	27.343.396
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.616.120.046</b>	<b>-</b>	<b>49.616.120.046</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

## (iii) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư tài chính	19.300.000.000	26.300.000.000	19.300.000.000	26.300.000.000
Phải thu về cho vay	4.700.000.000	32.600.000.000	4.700.000.000	32.600.000.000
Phải thu khách hàng	1.892.571.466	41.527.059.731	706.068.010	40.340.556.275
Các khoản phải thu khác	53.148.519.504	9.411.385	53.148.519.504	9.411.385
Tiền và các khoản TĐ tiền	2.214.960.125	1.426.423.896	2.214.960.125	1.426.423.896
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.256.051.095</b>	<b>101.862.895.012</b>	<b>80.069.547.639</b>	<b>100.676.391.556</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	15.000.000.000	14.997.074.500	15.000.000.000	14.997.074.500
Phải trả người bán	1.747.160.792	34.591.702.150	1.747.160.792	34.591.702.150
Phải trả khác	165.794.136	27.343.396	412.655.247	27.343.396
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.912.954.928</b>	<b>49.616.120.046</b>	<b>17.159.816.039</b>	<b>49.616.120.046</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**8.4 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

**Bộ phận theo hoạt động kinh doanh**

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong năm 2024, phần lớn doanh thu của Công ty đến từ hoạt động bán hàng (chiếm tỷ lệ 98,6% tổng doanh thu), do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại thị trường trong nước.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2024

**Người lập biểu**

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

**Kế toán trưởng**

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

**Tổng Giám đốc**

**NGÔ MINH HẢI**